

## Tôn giáo trong xã hội hiện đại

ISSN: 2734-9195 22:35 10/04/2023

Tác giả: **Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14** Việt dịch: **Thích Vân Phong** Nguồn: **Study Buddhism**

Trong xã hội nào tôn giáo cũng là một bộ phận hữu cơ, trong xã hội hiện đại mối quan hệ tôn giáo và xã hội phát sinh những đặc tính mới so với tiến trình và tương quan các mối quan hệ đó trong lịch sử.

Vì bản tính tự nhiên, mỗi cá nhân đều có sự cảm nhận về tự ngã. Từ đó, mỗi cá nhân đều trải qua các hiện tượng mà họ nhận thức được bằng cảm giác thống khổ, cảm xúc vui sướng hay yên tĩnh. Đây là sự thật, trong thế giới động vật cũng thế, vì bản tính tự nhiên, tất cả chúng ta đều muốn đạt được an lạc, hạnh phúc, không muốn thống khổ và bất hạnh. Không cần phải chứng minh điều này mà đó là một thuộc tính. Trên cơ sở này, chúng ta đàm luận về quyền của mọi người được hưởng cuộc sống an lạc hạnh phúc, quyền vượt qua mọi thống khổ.

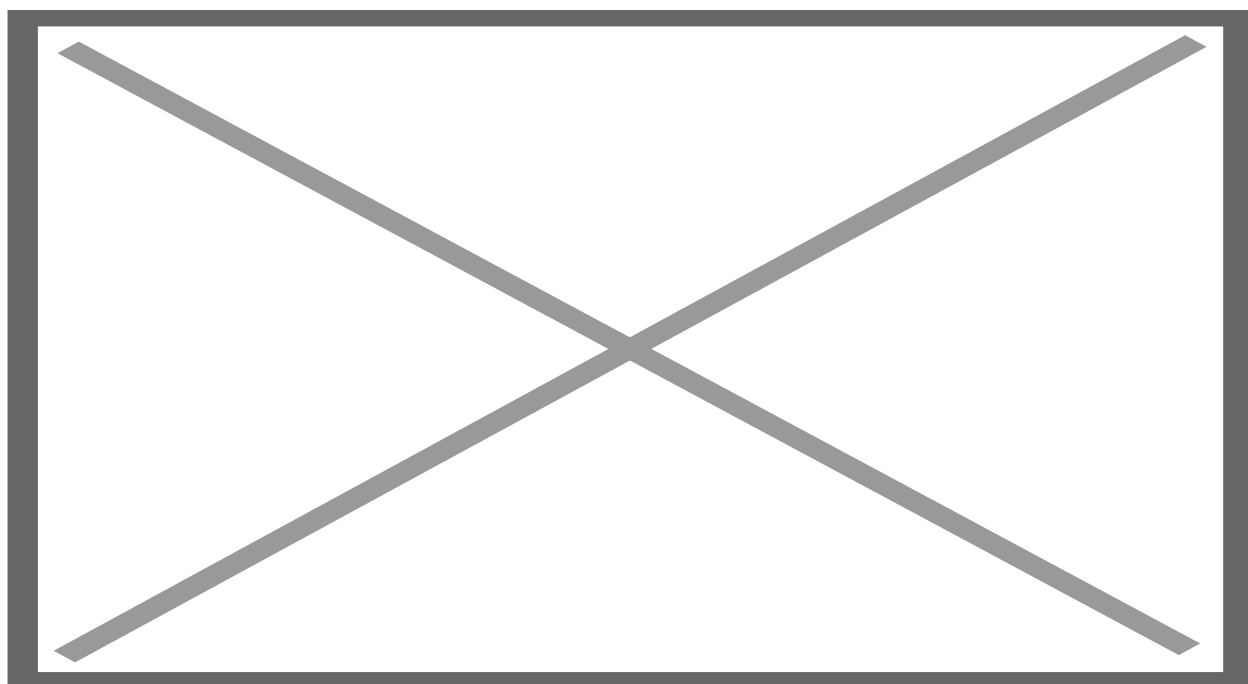
Thọ có hai loại: Lạc thọ, khổ thọ. Khi giẫm phải gai, chúng ta có một khổ thọ. Khi có ai đó nói điều gì dễ thương với ta như: “Anh thông minh quá” hay “chị đẹp quá” thì ta có một lạc thọ. Một loại liên quan với các giác quan thân thể là một mối liên hệ thuộc về tinh thần.

Tất cả các loài động vật có vú, có năm giác quan đều có cảm giác từ thân thể. Về mặt tinh thần, chỉ có một số động vật là có trải nghiệm sung sướng và đau khổ. Tuy nhiên, con người là loại động vật có độ thông minh tinh vi, họ có trí nhớ dài hạn và trí tưởng tượng về tương lai, đây là điều vượt trội hơn loài động vật khác. Vì thế, về mặt tinh thần con người có sự vui sướng, thỏa mãn và đau khổ - hy vọng, kỳ vọng và sợ hãi. Thế nên, sự sung sướng hay đau đớn của thân thể và tinh thần với niềm an lạc hạnh phúc hay bất hạnh là những điều khác biệt nhau. Có lúc thể xác của ta cảm giác đau đớn, nhưng tinh thần lại an vui, và có lúc thì cơ thể ta không có vấn đề, nhưng tinh thần lại có nhiều lo âu và bất toại nguyện.

Mức độ tương quan về vật chất như thực vật, y phục, nhà cửa, phong cảnh, âm thanh, mùi hương, vị nếm, xúc chạm thân thể và các tiện nghi vật chất. Một số người rất giàu sang, họ có danh tiếng, sống trong môi trường giáo dục tốt, có học vị cao được tôn kính, có nhiều bằng hữu, nhưng vẫn bất hạnh. Đây là bởi vì các tiện nghi vật chất đã không mang lại sự thỏa mãn hay an ủi trên phương diện tinh thần.

Một số người có đầy dẫy sự lo âu buồn phiền, nhiều áp lực, giành giật, tạt đổ, thù hận, chấp chước, những nguyên nhân này đưa đến những nỗi khổ niềm đau về tinh thần. Vì thế, sự hạnh phúc về mặt cơ thể và tiện nghi vật chất có những giới hạn và đôi khi là rào cản đối với phúc lợi. Đời sống có thể trở nên bất hạnh, nếu ta không chú ý đến khía cạnh nội tâm. Các xã hội, nhóm người giàu sang, có quyền lực mang lại sự thoải mái trên phương diện tiện nghi vật chất, nhưng chúng không thể bảo đảm rằng con người sẽ được an lạc hạnh phúc, một thế giới tinh thần bình yên và sáng khoái. Vì vậy, chúng ta cần có một cơ chế để mang lại sự yên tĩnh trong tâm hồn.

Thông thường, tôn giáo là một công cụ có thể mang lại sự bình tĩnh nội tâm, toại nguyện và thoải mái tinh thần, với một niềm tin tín ngưỡng nào đó. Nhiều người đồng ý rằng, cần có một phương pháp thế tục nhằm mang lại sự yên tâm.



Nếu chúng ta nói về một phương pháp mang lại sự bình an nội tâm, căn cứ trên tín ngưỡng, thì có hai thể loại thuộc về tôn giáo – tín ngưỡng không có triết học và tín ngưỡng có triết lý.

Thời cổ đại, người ta dùng tôn giáo tín ngưỡng để mang đến niềm an ủi và hy vọng, khi họ phải đối diện với những hoàn cảnh khó xử, những vấn đề ngoài tầm kiểm soát của họ, đó là sự tuyệt vọng. Trong những tình huống như thế, tôn giáo tín ngưỡng mang lại một ít tia hy vọng.

Thí dụ, dã thú đem đến sự uy hiếp vào ban đêm, vì thế, trong bóng đêm tăm tối, ta cảm thấy sợ hãi hơn. Ta sẽ thấy an toàn hơn khi có ánh sáng. Nguồn gốc của ánh quang minh là từ vầng thái dương. Vì thế, mặt trời là một điều gì thiêng liêng và vì vậy, một số người đã sùng bái thánh vật mặt trời. Lửa mang lại sự ấm áp dễ chịu khi ta cảm thấy lạnh lẽo, vì vậy, một số người xem lửa là một điều gì tươi đẹp.

Lửa đôi khi xuất phát từ sấm sét, đây là điều thần bí và vì thế, lửa và sấm sét đều được xem là thần thánh. Đây là những tín ngưỡng nguyên thủy, không chứa đựng triết lý.

Một loại tín ngưỡng khác có thể bao gồm từ những giai đoạn xã hội Ai Cập cổ đại. Nền văn minh Ai Cập đi ngược về phía trước từ 6000 đến 7000 năm và đã có tôn giáo tín ngưỡng thời đó. Khi đến một trong những trường Đại học ở Cairo, thủ đô của Ai Cập, tôi nói là nếu có thêm thời gian, tôi muốn theo học ở đây và nghiên cứu thêm về nền văn minh cổ đại Ai Cập, nhưng thật đáng tiếc là thời gian không cho phép tôi như ý.

Ngoài ra nhiều tín ngưỡng, tôn giáo ra đời trong cái nôi của nền văn minh Thung lũng Indus, nền văn minh rực rỡ thời cổ đại đầu tiên của Ấn Độ và nền văn minh Trung Hoa. Họ có những tôn giáo phức tạp hơn với tư tưởng, triết lý dẫn đường. Có thể nền văn minh Thung lũng Indus phong phú hơn những nền văn minh khác. Tại Ấn Độ, từ ba đến bốn nghìn năm về trước, đã có tôn giáo tín ngưỡng và tư tưởng triết học trong thế giới thực nghiệm nhân sinh. Vì thế, ở một hình thức nào đó tín ngưỡng cũng là một dạng tôn giáo (loại tôn giáo khác là tín ngưỡng với những khái niệm triết lý nào đó).

Loại tôn giáo thứ hai này, có những nghi vấn phổ biến. Một người tín hữu Do Thái giáo đã nêu ra những thắc mắc một cách tinh vi: “Tôi” là gì? Tôi đến từ đâu? Tôi sẽ đi đến đâu? Mục tiêu của cuộc đời là gì? Đây là những câu hỏi chính. Những câu trả lời cho các thắc này được xếp vào danh mục là thuộc dạng hữu thần hay vô thần?

Tại Ấn Độ, khoảng 3000 năm về trước, người dân xứ này đã cố gắng tìm câu hỏi đáp cho sự thắc mắc về thế nào là “tôi”, “bản ngã” là gì? Theo kinh nghiệm thông thường, con người lúc tuổi còn thanh xuân thì thân thể có diện mạo và hình dáng khác hơn tuổi đã xế chiều. Tư duy cũng thế, nó khác biệt theo từng

phút giây. Nhưng chúng ta có một cảm giác tự nhiên về “cái tôi” – khi “tôi” trẻ, khi “tôi” già. Vì thế, phải có một chủ nhân cho thân thể và tư duy này. Chủ nhân phải là điều gì đó độc lập và vĩnh hằng, bất di bất dịch, trong khi thân thể và tâm thức thì luôn biến hóa theo định dạng vô thường.

Vì thế tại Ấn Độ, tư tưởng về một bản ngã, một linh hồn, một “atman” (bản nguyên), bắt nguồn từ đây. Khi nhắm mắt xuôi tay trút hơi thở lìa đời thì thân thể này không còn hữu dụng nữa, một linh hồn vẫn y nhiên tồn tại. Đây là câu hỏi đáp cho câu hỏi thế nào là “tôi”.

Thế thì linh hồn từ đâu đến? Nó có khởi đầu và kết thúc hay không? Không có khởi đầu thì khó chấp nhận được, vậy thì phải có sự khởi đầu, giống như thân thể này cũng có một sự bắt đầu. Thế là Thượng đế sáng tạo ra linh hồn, và đối với sự kết thúc, chúng ta đến với sự hiện diện của Thượng đế, hay cuối cùng hòa nhập vào trong Thượng đế. Vào thời kỳ đầu, các tôn giáo Trung Đông như Do Thái giáo, Cơ đốc giáo, và có thể người Ai Cập nữa, đã tin tưởng vào kiếp tương lai. Nhưng đối với tín đồ Do Thái giáo, tín đồ Cơ đốc giáo và Hồi giáo, chân lý tối hậu là Thượng đế, Đấng Tạo Hóa. Đó là cội nguồn của vạn vật. Tất nhiên Đấng Thượng Đế này phải có quyền năng vô biên, cũng như từ bi tâm và trí tuệ vô hạn. Mỗi tôn giáo đều xác định về một từ bi tâm vô hạn, như Thánh Allah, và Thượng Đế là chân lý tối hậu, vượt ra khỏi kinh nghiệm của chúng ta. Đây là tôn giáo hữu thần.

Khoảng 3000 năm trước đây, ở Ấn Độ chúng ta có phái triết học Số Luận Sư (Samkhya). Triết lý này phân chia thành hai phái: Một tin tưởng vào Thượng Đế và một cho rằng không có Thượng đế. Thay vì thế, phái thứ hai nói về tính chất nguyên sơ, tự tính (prakrti) và 25 loại hiện tượng có thể nhận thức được. Đối với họ, tính chất nguyên sơ thì vĩnh hằng và là Đấng Tạo Hóa. Vì vậy quan điểm vô thần đã tồn tại từ trước thời đức Phật.

Khoảng 26 thế kỷ trước đây, đức Phật và vị Tổ sư sáng lập Kỳ Na giáo (Jain founder), Mahavira, đã xuất thế. Không ai trong hai vị này đã đề cập đến Thượng đế, nhưng thay vào đây, chỉ nhấn mạnh đến Nhân và Quả. Vì thế, một phái của Số Luận Sư, Kỳ na giáo và Phật giáo cũng có thể coi là những tôn giáo vô thần.

Trong tôn giáo vô thần, đạo Phật tuyên thuyết rằng tất cả sự vật bắt nguồn từ các nhân và duyên của riêng nó, và vì thế, một trong những bản chất tự nhiên của nhân và quả là sự biến hóa. Sự vật chẳng bao giờ ở trạng thái bất biến. Bởi nền tảng của tự ngã hay “tôi” là thân thể và tư duy, mà hiển nhiên thân và tâm đang thay đổi cùng một lúc, và vì “tôi” dựa vào hai yếu tố này, “tôi” cũng phải có cùng bản chất với chúng. Nó chẳng bao giờ bất biến và vĩnh hằng. Nếu nền

tăng thay đổi thì dĩ nhiên cái danh xưng đặt để cho nó cũng phải biến hóa. Vì thế, không có một linh hồn vĩnh hằng, bất biến – “anatman”, vô ngã. Đó là khái niệm đặc trưng của đạo Phật – vạn vật hỗ tương nhau mà tồn tại và cùng tương quan phụ thuộc lẫn nhau. Vì vậy trong ba tôn giáo vô thần, mặc dù hai tôn giáo kia chấp nhận luật nhân quả, tuy nhiên, họ xác nhận một tự ngã vĩnh hằng, bất biến.

Vì thế, trong những tôn giáo có tín ngưỡng và triết lý, có nhiều truyền thống khác nhau. Tất cả đều có hai phương diện – triết lý và quan niệm, cũng như sự tu trì. Có một sự khác biệt lớn về phương diện triết lý và quan niệm, nhưng sự tu trì thì giống nhau, thí dụ như tắm lòng từ ái, bi mẫn, khoan thứ, khoan dung, kỷ luật bản thân. Những triết lý và quan niệm khác nhau chỉ là những phương pháp để mang đến cho con người hy vọng và niềm tự tin vững chãi để thực hành hạnh từ ái, bi mẫn, khoan thứ.v.v. . . Vì thế, tất cả những triết lý này có cùng mục tiêu và chủ ý, đây là mang lại cho con người từ bi tâm, bi mẫn và.v.v. . .

Đó là điều rõ ràng trong đạo Phật, kim ngôn khẩu ngọc giáo huấn của đức Phật với những khái niệm khác nhau, thường là mâu thuẫn (phép biện chứng) lẫn nhau. Một số kinh điển nói rằng các uẩn (□ , skandha, nhóm hay tập hợp hoặc tích hợp) – thân và tâm – tựa như một kiện hàng và tự ngã là cái gì khuân vác nó.

Một kiện hàng và dụng cụ khuân vác nó không thể giống nhau, thế thì tự ngã phải tách biệt và tồn tại trên thực chất. Một bản kinh khác thuyết rằng nghiệp hay những hành vi thì tồn tại, nhưng không có một cá nhân hành động, trên thực chất không có tự ngã. Những kinh điển khác thuyết không có những hiện tượng bên ngoài. Chỉ có tư duy và những hiện tượng khác đơn thuần là nội dung của tư duy, và tư duy tồn tại; nó thực sự tồn tại. Tuy nhiên, những kinh điển khác lại thuyết rằng cả tư duy lẫn nội dung của nó đều không thật sự tồn tại – không có sự vật gì tồn tại cả, thí dụ như “Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh” (□□□□□□□□□□) đã tuyên thuyết phủ nhận lục căn: “mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý” (toàn bộ Bát nhã Tâm kinh chỉ nhằm khuyên từ bỏ thói quen chấp thật tất cả hiện tượng sắc pháp; Toàn bộ kinh này ý từ tính không của vạn vật và thế giới).

Tất cả những điều này là mâu thuẫn (phép biện chứng) lẫn nhau, nhưng tất cả đều xuất phát từ một nguồn cội đó là đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật dạy bảo tất cả điều này không phải vì sự lầm lẫn của Ngài. Ngài cũng không cố ý thuyết giảng chúng để tạo thêm sự bối rối trong tư chúng đệ tử của Ngài. Tại sao Ngài lại diễn thuyết như thế? Đức Phật vì sự tôn trọng những căn cơ khác nhau của chúng sinh, và Ngài đã giảng dạy tất cả những điều này để

giúp họ. Ngài thấy rằng tất cả những điều này là rất cần thiết.

Khoảng 3000 năm về trước, thế giới có khoảng mười hoặc một trăm triệu người. Bây giờ, đã hơn 8 tỷ người. Trong số những người này, chắc chắn có những tính khí khác nhau. Chúng ta có thể thấy điều này, ngay cả ở những đứa trẻ có cùng cha mẹ. Ngay cả những cặp song sinh cũng có tâm tư tình cảm khác nhau. Vì vậy, nhân loại có những tính tình bất đồng, phương thức sinh hoạt bất đồng, phương thức tư duy bất đồng. Sự khác biệt này cũng do môi trường, điều kiện địa lý, điều kiện khí hậu quyết định.

Thí dụ, Ả Rập thì nóng khô. Ấn Độ có những mùa mưa, vì thế hai quốc gia này khác nhau và con người ở những nơi này cũng có lối sống khác nhau. Có thể trong thời cổ đại, con người có nhiều điểm tương đồng hơn ở khắp nơi. Tuy nhiên, vì những sự khác biệt nêu trên, điều quan trọng là có những phương pháp tiếp cận khác nhau trong hiện tại. Vì vậy, những quan niệm và triết học sẽ có những bất đồng. Quan trọng nhất là chí hướng và mục tiêu của những yếu tố này, và chúng thật sự tương đồng, đây là giúp cho con người trở nên tử tế và từ bi khi giao tiếp với người khác.

Đối với một số người thì khái niệm về một đấng Sáng tạo, Thượng Đế rất hữu ích. Một hôm, tôi đã hỏi một vị niên trưởng tu sĩ Cơ đốc giáo là tại sao Cơ đốc giáo không tin tưởng vào kiếp trước. Ông trả lời: “Bởi vì đời sống trong hiện tại là do Thượng Đế tạo ra.” Cách suy nghĩ như vậy tạo ra một cảm giác mật thiết với Thượng Đế. Cơ thể này bắt nguồn từ tử cung của mẹ ta, vì thế, chúng ta có một cảm giác gần gũi và thoải mái với mẹ mình. Trường hợp Thượng Đế cũng tương tự như thế. Chúng ta bắt nguồn từ Thượng Đế và điều này ban cho ta một cảm giác gần gũi với Ngài. Càng cảm thấy gần gũi hơn, khuynh hướng tuân theo những lời khuyên của Thượng Đế càng mạnh hơn, đó là việc thực thi từ bi tâm. Vì thế, cách tiếp cận hữu thần rất mạnh mẽ và hữu ích cho nhiều người hơn là tiếp cận vô thần.

Tốt hơn hết là hãy giữ lấy truyền thống tôn giáo tín ngưỡng của mình. Tại Mông Cổ, các nhà truyền giáo cho người dân 15 USD để cải đạo sang Cơ đốc giáo. Thế là một số người đến với họ và cải đạo mỗi năm, lần này sang lần khác, chỉ để nhận 15 USD mỗi lần! Tôi khuyên các nhà truyền giáo này đừng can thiệp vào vào tôn giáo tín ngưỡng của dân chúng, hãy để người dân nơi đây giữ truyền thống đạo Phật của họ. Điều này cũng giống như tôi nói với người Tây phương rằng hãy giữ tôn giáo riêng của họ.

Hay nhất là hãy thu thập thêm tin tức. Điều này sẽ giúp ta phát triển sự tôn trọng các truyền thống khác. Vì thế, hãy giữ truyền thống Cơ đốc giáo, nếu quý vị là tín đồ Cơ đốc giáo, nhưng hãy có thêm sự hiểu biết và kiến thức về những

truyền thống tôn giáo khác. Còn về mặt phương pháp, tất cả các truyền thống tôn giáo đều giảng dạy phương pháp tu hành, đó là từ ái, bi mẫn, khoan dung. Bởi cách tu hành được chia sẻ tương đồng, quý vị có thể áp dụng một vài phương pháp của Phật giáo.

Một vị Linh mục Cơ đốc giáo đã hỏi tôi về triết lý “tính Không”, “vô Tướng”, và tôi nói với ông rằng điều này không tốt cho ông. Nếu tôi nói rằng các pháp hoàn toàn hỗ trợ lẫn nhau, dựa vào nhau mà tồn tại, điều này có thể làm tổn hại sự chân thành tín ngưỡng của ông đối với Thượng Đế. Thế nên, những người như vậy thì tốt hơn là không nên nghe nói về “tính Không” hay “vô Tướng”.

Tóm lại, vì tất cả các truyền thống tôn giáo lớn đều có sự tu hành giống nhau, chỉ khác về phương pháp và triết lý, nhưng đều có cùng mục tiêu. Đây chính là nền tảng cho sự tôn trọng lẫn nhau. Vì vậy, hãy giữ truyền thống riêng của quý vị. Tuy nhiên, nếu quý vị thấy trong buổi diễn giảng của tôi có một số phương pháp của Phật giáo đem lại lợi ích cho bản thân, thì hãy sử dụng chúng.

Nếu như thấy chúng không có lợi ích gì, thì hãy bỏ mặc chúng và không phải bận tâm.

Tác giả: **Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14** Việt dịch: **Thích Vân Phong** Nguồn: **Study Buddhism**